

LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á - VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN CỦA SỬ GIA A.J. TOYNBEE

Nhận bài:

28 - 09 - 2019

Chấp nhận đăng:

01 - 11 - 2019

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Thị Mai

Tóm tắt: A.J. Toynbee (1889 - 1975) là sử gia lớn của thế giới thế kỉ XX. Bên cạnh lịch sử văn minh nhân loại được tái hiện dưới góc nhìn tổng thể, ví mô là một đặc điểm nổi bật; văn minh khu vực, quốc gia cũng trở thành đối tượng nghiên cứu và có đóng góp lớn của ông. Là một sử gia phương Tây nhưng A.J. Toynbee đã thoát khỏi quan niệm “Châu Âu là trung tâm”, coi trọng việc nghiên cứu những văn minh “ngoài châu Âu, ngoài phương Tây”. Đông Nam Á - Việt Nam có thể là một ví dụ cho quan niệm này. Qua bài viết, tác giả muốn thông qua một số công trình tiêu biểu, làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến lịch sử và văn hóa Đông Nam Á - Việt Nam dưới góc nhìn của ông.

Từ khóa: A.J.Toynbee; Đông Nam Á; Việt Nam; văn hóa; lịch sử.

1. Sơ lược giới thiệu một số tác phẩm của sử gia A.J. Toynbee có đề cập đến Đông Nam Á - Việt Nam

Trong phạm vi bài viết này, tác giả chọn giới thiệu một số công trình nghiên cứu được đánh giá cao và có liên quan đến Đông Nam Á - Việt Nam gồm: (1) *Nghiên cứu lịch sử* (A Study of History, 《历史研究》) là một tác phẩm sử học đồ sộ, được viết và xuất bản trong thời gian từ năm 1934 đến năm 1962, gồm 12 cuốn. Nội dung của nó chủ yếu gồm các luận điểm sau: 1. Đơn vị cơ bản của nghiên cứu lịch sử là văn minh; 2. Mỗi nền văn minh đều kinh qua quá trình hình thành, phát triển, suy thoái và giải thể; 3. Nguyên nhân khiến văn minh nhân loại thịnh suy nằm ở cơ chế thách thức và phản ứng (challenge - respond); 4. Dù còn tồn tại một số tranh luận nhưng *Nghiên cứu lịch sử* đã được thế giới đánh giá là một trong những danh tác sử học của thế kỉ XX;

(2) *Nhân loại và Bà Mẹ Trái Đất - Một bộ tự sự về lịch sử thế giới* (Mankind and Mother Earth - A narrative history of the world, 人类与大地母亲部叙事体世界历史) được viết xong vào năm 1973, xuất bản

lần đầu tiên 1976, là trước tác cuối cùng ngưng tụ tinh hoa tư tưởng và học thuật một đời của A.J. Toynbee.

(3) *Triển vọng thế kỉ XXI - Cuộc đối thoại giữa A.J. Toynbee và Daisaku Ikeda* (Choose Life: A dialogue by Arnold J. Toynbee and Daisaku Ikeda, 展望21世纪汤因比与池田大作的对话录) ghi lại sự việc vào khoảng giữa năm 1971 và 1974, A.J. Toynbee và Daisaku Ikeda đã gặp gỡ, thảo luận nhiều vấn đề quan trọng thách thức sự sống còn của nhân loại ở đầu thập niên 70 gồm vấn đề ô nhiễm môi trường, sự hao mòn của nguồn năng lượng tự nhiên, xung đột và chiến tranh, vai trò của tôn giáo, sự tăng trưởng dân số,...

(4) *Toynbee luận Toynbee* (Toynbee on Toynbee: A conversation between Arnold J. Toynbee and G.R. Urban, 汤因比论汤因比汤因比与厄本对话录) được Đại học Oxford, New York xuất bản năm 1974, ra đời trên cơ sở chỉnh lí nội dung cơ bản của cuộc đối thoại/phỏng vấn dài trực tiếp của G.R Urban với A.J Toynbee thực hiện vào năm 1974, trước khi ông mất một năm.

Ở Việt Nam, ngoài tác phẩm *Nghiên cứu lịch sử* nổi tiếng đã được dịch và xuất bản (Arnold J. Toynbee, 2008), các tác phẩm còn lại của Toynbee chưa được độc giả biết đến một cách phổ biến.

2. Sử gia A.J. Toynbee với lịch sử, văn hóa

* Tác giả liên hệ

Lê Thị Mai

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: lactammai@gmail.com

Đông Nam Á - Việt Nam

Qua phân tích, chúng tôi nhận thấy lịch sử văn hóa Đông Nam Á - Việt Nam trong các công trình nghiên cứu của A.J. Toynbee chủ yếu tập trung ở các phương diện sau đây:

2.1 Đông Nam Á - Việt Nam trong phân loại các nền văn minh thế giới thời cổ đại

Trong công trình *Nghiên cứu lịch sử*, xác định đơn vị cơ bản của nghiên cứu lịch sử là văn minh, A.J. Toynbee đã khảo sát quá trình phát triển nền văn minh nhân loại, lập danh sách hoàn chỉnh các xã hội từng tồn tại và mối quan hệ giữa chúng. Theo đó, văn minh Đông Nam Á, văn minh Việt Nam đã được A.J. Toynbee xếp trong danh mục 33 nền văn minh có nguồn gốc cổ xưa của nhân loại. Trong bảng biểu thể hiện giai đoạn phát triển từ năm 3500 tr.CN đến năm 2000 của văn minh nhân loại, A.J. Toynbee cho rằng cả văn minh khu vực Đông Nam Á (từ khoảng thế kỉ VII) và Việt Nam (từ khoảng thế kỉ VIII) đều ở trong giai đoạn “*đa nguyên chính trị*” [4, tr.53].

Trên cơ sở các khái niệm và sự phân loại về “*nền văn minh độc lập*” (hay “*nền văn minh thành thực*”), “*nền văn minh vệ tinh*” (hay “*nền văn minh phụ thuộc*”), nhìn về phương Đông, A.J. Toynbee cho rằng, nằm trong hệ thống các nền văn minh “*vệ tinh*” của văn minh nhân loại, trong khi văn minh Đông Nam Á trước là “*văn minh vệ tinh*” của văn minh Ấn Độ, về sau riêng Indonesia và Malaysia là “*văn minh vệ tinh*” của văn minh Hồi giáo còn văn minh Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam là các “*nền văn minh vệ tinh*” của văn minh Trung Quốc [4, tr.53].

Trong cái nhìn biện chứng về mối quan hệ giữa văn minh “*vệ tinh*” và văn minh “*độc lập*” như vậy, A.J. Toynbee cũng chỉ ra sự phản ứng của các nền văn minh “*vệ tinh*” mà theo ông đó là một biểu hiện của sự “*phản ứng với thách thức/ hay sự trả lời thách thức*” đối với nền văn minh “*độc lập*”. Cùng quan điểm với Daisaku Ikeda cho rằng trong tiếp xúc văn minh, có dân tộc đã thích ứng với sự phát triển của thời đại, hấp thụ nền văn minh bên ngoài và mỗi lần như vậy đều kiến lập nền văn minh với đặc điểm mới, ông nói: “Hấp thụ nền văn minh khác, tiến hành đồng hóa thành công, điều này rất hiệu dụng và có giá trị cao. Nhật Bản trong lịch sử đã có hai lần thành công trong việc tiếp nhận thách thức loại này. Đầu tiên là từ thế kỉ VI đến thế kỉ VII,

hấp thụ Ấn Độ giáo phiên bản Trung Quốc¹, đồng thời đồng hóa chính bản thân văn hóa Trung Quốc. Gần 100 năm trở lại đây, lại đồng hóa văn minh phương Tây cận đại. Ngoài ra còn có các dân tộc ở Đông Nam Á và Indonesia đã đồng hóa Ấn Độ giáo và Phật giáo của Ấn Độ. Dân tộc Việt Nam đồng hóa văn minh Trung Quốc. Dân tộc Indonesia sau khi đồng hóa Ấn Độ giáo và Phật giáo Ấn Độ, lại đồng hóa văn minh Hồi giáo” [3, tr.352].

Có thể thấy, nội hàm của thuật ngữ “*đồng hóa*” hay sự “*sự phản ứng với thách thức*” mà A.J. Toynbee dùng ở đây rất gần với thuật ngữ “*tiếp biến văn hóa*” nhưng ông chỉ dừng lại ở nhận định các nền văn minh “*vệ tinh*” hay văn minh “*ngoại vi*” tiếp nhận và biến đổi phù hợp với các giá trị văn hóa bản địa mà không bao hàm trong đó sự tác động trở lại hay vị trí, vai trò của các nền văn minh “*vệ tinh*” đối với chính bản thân nền văn minh “*độc lập*” hay văn minh “*trung tâm*” ấy. Đó cũng là sự tiếp cận bước đầu của A.J. Toynbee về mối quan hệ giữa các nền văn minh từ góc độ phân loại văn minh. Để có cái nhìn đầy đủ hơn, chúng ta cần xem xét nó dưới góc độ tiếp xúc văn hóa cụ thể sau đây trong các công trình nghiên cứu của ông.

¹Có lẽ A.J. Toynbee đã nhầm lẫn khi viết ở đây là Ấn Độ giáo. Theo mạch hiểu cũng như A. Toynbee đã có một số lần đề cập đến thì chính xác ở đây phải là “*Phật giáo Ấn Độ phiên bản Trung Quốc*” - chính là Phật giáo Đại Thừa đã qua một lần khúc xạ bởi nền văn minh Trung Hoa thời Đường, được người Nhật tiếp thu vào thế kỉ VI - VII.

2.2. Đông Nam Á - Việt Nam trong sự tiếp xúc với các nền văn minh cùng thời

Trong “*mạng lưới liên hệ hoàn chỉnh*” mà các dân tộc Trung Hoa, Ấn Độ, Ả-rập đã tạo ra ở Đông Nam Á trước khi người phương Tây xuất hiện, A.J. Toynbee đặc biệt chú ý đến sự tiếp xúc giữa khu vực này với văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa với tư cách là một “*khu vực văn minh vệ tinh*” của chúng.

2.2.1. Sự tiếp xúc giữa văn minh Ấn Độ với khu

vực Đông Nam Á

Người Aryan xâm nhập Ấn Độ đã cư trú trên lưu vực đồng bằng sông Ấn, phía tây bắc Ấn Độ nhưng đến Thời đại Phật tổ², trung tâm văn minh của Ấn Độ đã chuyển sang phía đông, trên lưu vực sông Hằng. Đến thế kỉ thứ I - II tr.CN, văn minh Ấn Độ đã phát triển về phía nam, lan rộng trên cả bán đảo; “phát triển về phía đông nam đến tận khu vực phía nam Việt Nam hiện tại và Indonesia” và theo A.J. Toynbee, riêng “ở địa bàn ngày nay là Campuchia và Nam Bộ Việt Nam, đã đẩy lên cao trào **Ấn Độ hóa**³ lần thứ nhất” [5, tr.301].

A.J. Toynbee cho rằng tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo đã là một **yếu tố động nhất** trong quá trình văn hóa Ấn Độ truyền bá ra bên ngoài: “Khi Phật Đà phủ định chế độ chủng tính do sự khác nhau về tín ngưỡng linh hồn của thực tại khách quan tối cao (như một thách thức với đạo Balamôn), văn minh Ấn Độ đã ra đời một tôn giáo được lưu truyền rộng rãi, mê hoặc cả khu vực Đông Á” [5, tr.153].

²Theo cách gọi của A.J. Toynbee, chỉ thời kì Magadha trong lịch sử Ấn Độ (thế kỉ VI - thế kỉ IV tr.CN)

³Có thể A.J. Toynbee đã chịu ảnh hưởng quan niệm của G.Coedes trong công trình: “*Các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*” (bản Pháp văn xuất bản lần đầu vào năm 1948; Coedes, *Các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, NXB Thế giới, 2004) khi nghiên cứu quá trình Ấn Độ hoá các quốc gia vùng Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến trước lúc tiếp xúc với phương Tây vào đầu thế kỉ XVI và cho rằng Lâm Ấp, Phù Nam (Trung và Nam Việt Nam) là những quốc gia Ấn Độ hoá sớm nhất trong khi An Nam (Bắc Việt Nam) lại bị Hán hoá.

Từ thế kỉ III đến thế kỉ IV CN, văn minh Ấn Độ tiếp tục hướng ra phía ngoài đại lục để mở rộng. So với giai đoạn trước sau Công nguyên vài thế kỉ, “vào thế kỉ thứ IV, hiệu quả mở rộng ở bên ngoài bán đảo đã tăng thêm một bước mạnh mẽ. Cả đại lục Đông Nam Á, ngoại trừ đế quốc Trung Hoa xâm nhập phía Bắc Việt Nam từ sau năm 140 tr.CN, đều trở thành một bộ phận nằm trong khu vực văn minh Ấn Độ” [5, tr.342]. Về sự truyền bá rộng rãi, mạnh mẽ

của văn minh Ấn Độ ở Đông Nam Á, A.J. Toynbee cho rằng có hai nguyên nhân: “Kẻ môi giới/trung gian của quá trình Ấn Độ hóa này là ngoại thương và tôn giáo, chứ không phải là chinh phục quân sự” và cũng bởi ở sự tiếp nhận văn minh Ấn Độ một cách chủ động, sâu sắc của các dân tộc Đông Nam Á: “các dân tộc ở Đông Nam Á cũng không phải tiếp nhận văn hóa Ấn Độ một cách bị động. Các dân tộc này đã khiến nền văn minh ngoại lai này mang sắc thái Đông Nam Á một cách rõ nét. Cho dù loại sắc thái này cũng không phải phi Ấn Độ hóa” [5, tr.343].

Ở các giai đoạn sau, trong mối quan hệ giữa các nền văn minh “độc lập” và các nền văn minh “vệ tinh”, những biến động chính trị - xã hội diễn ra trong nội tại của chúng là một tác nhân rất lớn, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp/ liên đới lên cả hai phía.

Có thể thấy, trong các thành tố của văn hóa, văn minh được truyền bá, A.J. Toynbee đặc biệt quan tâm đến tôn giáo. Đối với khu vực Đông Nam Á, ông chỉ rõ: trải qua nhiều biến thiên của lịch sử và quá trình tiếp xúc văn hóa, Đông Nam Á trở thành điểm dừng chân và bám rễ sâu của các tôn giáo lớn trong khu vực và tồn tại hiện tượng “*cộng tồn*” giữa các tôn giáo. Đến năm 1511, khi người Bồ Đào Nha đến đảo Malacca, Đông Nam Á đã hình thành cục diện 4 loại tôn giáo cùng tồn tại. Trong đó, Phật giáo Tiểu Thừa (Thượng Tọa Bộ) và Hồi giáo du nhập vào khu vực này tương đối trễ. Phật giáo Tiểu Thừa chinh phục hầu hết Đông Nam Á lục địa, chỉ có Việt Nam, bộ phận tàn dư của Champa và đoạn tận cùng phía Nam của bán đảo Mã Lai là ngoại trừ. Người Chăm và người Mã Lai lục địa đã theo đạo Hồi. Người Mã Lai hải đảo bề ngoài theo đạo Hồi nhưng trên thực tế vẫn là tín đồ Ấn Độ giáo. Người Mã Lai trên đảo Bali vẫn là tín đồ ngoan đạo của Ấn Độ giáo [5, tr.549].

2.2.2. Sự tiếp xúc giữa văn minh Trung Hoa với khu vực Đông Nam Á

Trước hết, về quan hệ văn hóa giữa nền văn minh lưu vực Hoàng Hà với khu vực nhiệt đới phương Nam.

A.J. Toynbee khi bàn đến mối quan hệ văn hóa giữa nền văn minh lưu vực Hoàng Hà với *khu vực nhiệt đới phương Nam* đã khẳng định khu vực nhiệt đới phương Nam là một trong ba nguồn gốc của văn minh thời Thương của Trung Quốc. Qua đó, ông đặt ra một số vấn

đề mà theo ông là những câu đố chưa có lời giải gồm nguồn gốc của kỹ thuật chế tác đồng thau (hợp kim đồng, chì, thiếc) “Khu vực nhiệt đới châu Á rất có thể là vùng đất cội nguồn của kim thuộc thời Thương Trung Quốc” [5, tr.108] hay nguồn gốc của nghề nông trồng lúa nước, nghề thuần dưỡng trâu và lợn: “khu vực gây trồng ra lúa nước sớm nhất, thuần hóa trâu vẫn không có cách gì xác định được” [5, tr.109].

Trong những trang sử về sự tiếp xúc giữa văn minh Trung Hoa với khu vực Đông Nam Á, A. Toynbee đặc biệt chú ý sự khuếch trương của văn minh Trung Quốc ở phía Bắc Việt Nam. Ông đã nhiều lần đề cập đến việc mở rộng lãnh thổ bằng con đường chiến tranh xâm lược của Trung Quốc đối với miền Bắc Việt Nam vào thời Tần - Hán và thời kì Mông - Nguyên.

Điều đáng lưu ý là, qua con đường giao lưu văn hóa mang tính cưỡng bức này, trong cái nhìn đối sánh với quá trình truyền bá của văn minh Ấn Độ, A.J. Toynbee đã vạch rất rõ trên bản đồ phương Đông địa bàn diễn ra quá trình tiếp xúc văn minh giữa khu vực Đông Nam Á với văn minh Ấn - Trung vào thời cổ trung đại: trong khi văn minh Ấn Độ chiếm ưu thế trên phần lớn địa bàn của khu vực này thì văn minh Trung Hoa chỉ dừng lại ở địa bàn phía Bắc Việt Nam hiện tại mà thôi. Nhìn nhận quá trình tiếp thu văn hóa Trung Hoa của Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử, rất khác so với các quốc gia trong khu vực chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Ấn Độ trên nhiều phương diện, thực tế là một thái độ ứng xử tất yếu để sinh tồn của người Việt, A.J. Toynbee viết: trong số các quốc gia khu vực Đông Nam Á “chỉ có người Việt Nam tiếp nhận văn hóa Trung Quốc và Phật giáo Đại thừa phiên bản Trung Quốc, dù rằng trên phương diện chính trị họ đã thành công trong việc chống cự/phản kháng sự sát nhập của Trung Quốc” [5, tr.443].

Theo A.J. Toynbee, trong cuộc cạnh tranh chinh phục văn hóa đó của văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Quốc, không chỉ đối với địa bàn Đông Nam Á mà còn đối với cả khu vực Đông Á (Nhật Bản, Triều Tiên), Trung Á (Tây Tạng), tôn giáo đóng vai trò là nhân tố động nhất trong quá trình tiếp xúc giữa các nền văn minh trong khu vực. Ông viết: “Vào nửa đầu thế kỉ VII, cả hai nền văn minh này cũng tiến hành cạnh tranh chinh phục văn hóa Tây Tạng, văn hóa Ấn Độ lại một lần nữa là bên thắng lợi. Do ở một tôn giáo, chính là Phật giáo Đại Thừa truyền vào Trung Quốc, thông

qua Trung Quốc, truyền vào Triều Tiên và Nhật Bản, văn minh Ấn Độ đạt được một lần thắng lợi văn hóa lớn” [5, tr.387].

2.3. Triển vọng của khu vực Đông Á, Đông Nam Á từ vấn đề chiến tranh Việt Nam

Nằm trong những trang mở đầu của tác phẩm cuối đời mình, A.J. Toynbee đã thể hiện một cái nhìn đầy “*bi quan*” và “*nguy cơ cảm*” như vậy về số phận của nhân loại do vấn đề chiến tranh Việt Nam mang lại.

Cuộc chiến tranh Việt Nam của người Mĩ được A.J. Toynbee bàn đến rất nhiều trong cuộc đối thoại với Daisaku Ikeda và trong tác phẩm *Toynbee luận Toynbee*. Ông nói: “Đại đa số con người trên thế giới đều thiếu lịch sử cảm (*hiểu là cảm quan về lịch sử - tg*), đối với họ mà nói, việc đã qua không còn tồn tại nữa” (...) “Lẽ nào chúng dễ quên lại có lợi sao?” và dẫn trường hợp người Mĩ ở Việt Nam: Nghĩ lại lịch sử nước Mĩ từ sau khi đại chiến thứ hai kết thúc: Người Mĩ do ở việc hầu như quên đi vấn đề nguyên tắc coi nhẹ lịch sử mà rơi vào một sai lầm lớn không? Họ đã cố ý coi nhẹ việc đã qua của người Pháp, lao vào chiến tranh Việt Nam. Họ cho rằng mình có lực lượng, có kỹ thuật, có phương thức sống kiểu Mĩ, không hề liên quan đến sự đã qua của người Pháp. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, nước Mĩ gặp phải rất nhiều bất lợi, đều có thể quy tội cho việc không dựa vào quá khứ để cư xử với hiện tại. Con người tồn tại trên chiều sâu của thời gian, sự phát sinh của hành động hiện tại không chỉ dự kiến tương lai mà cũng dựa vào quá khứ. Nếu anh cố ý coi nhẹ, không nghĩ đến hoặc lãng quên việc đã qua, thì cuối cùng anh có thể đối mặt với chính bản thân anh ở hiện tại với hành động của lí trí” [2, tr.102].

Vào thời điểm đầu thập niên 70 của thế kỉ XX, vấn đề chiến tranh Việt Nam đang trở thành thực tiễn nhân tiền và “nóng” đối với dư luận quốc tế. Khi người Mĩ còn chưa nhận ra chiến tranh Việt Nam đối với họ là một “*sai lầm lớn*”⁴, đương thời, cả hai học giả (A.J. Toynbee và Daisaku Ikeda) đã quan sát và nhìn thấy điều đó sẽ là cách nghĩ trong tương lai của người Mĩ. Theo Daisaku Ikeda, “sự thất bại trong chiến tranh Việt Nam đối với Mĩ mà nói không chỉ là thất bại trên phương diện chính trị, quân sự, cũng chính là sự thất bại trên phương diện đạo nghĩa/đạo lý” [3, tr.192]. Cùng một cách nhìn với Daisaku Ikeda, A.J. Toynbee cho rằng, người Mĩ từ thái độ “*không coi ai ra gì*”⁵ đã phải đối

mặt với người Việt Nam: “quyết không phải là động thực vật mà hoàn toàn là con người như người Mĩ”... “đã bị giáng một đòn thật đau” và “tất yếu phải khắc ghi bài học kinh nghiệm này” [3, tr.192].

Chiến tranh Việt Nam đối với Mĩ là một “*sai lầm lớn*”, một *bi kịch* và là cuộc chiến tranh “*bản thù*” đã kết thúc. Song, đằng sau “*chiến tranh Việt Nam*”, nhiều góc độ khác của lịch sử quan hệ quốc tế thời kỳ chiến tranh lạnh và hậu chiến tranh lạnh đã được mở ra. Đó là vấn đề “*chiến tranh đại diện*”: Một loại hình chiến tranh mới mẻ trong lịch sử thế giới mà Việt Nam đã được chọn làm điểm thử nghiệm. Vào thời kì chiến tranh lạnh, mọi quốc gia nhỏ đều tự nhiên biến thành thành viên của cuộc “*chiến tranh đại diện*” do các “*ông lớn*” điều khiển. Bàn về lý do vì sao sau thế chiến thứ hai, châu Á lại là vũ đài để tiến hành chiến tranh đại diện, A.J. Toynbee cho rằng: “Ở Trung Đông, Triều Tiên và Đông Nam Á, khói lửa chiến tranh trước sau liên miên không dứt, nguyên nhân của nó là vì Mĩ cho rằng chiến tranh tiến hành ở những khu vực này không phải đối mặt với mối nguy hiểm lớn từ phía Liên Xô và Trung Quốc. Các nước châu Phi, lực lượng quá yếu, không có

câu hỏi: “*Từ đây về sau có thể tái diễn bi kịch như Việt Nam chăng?*”.

Các nền văn minh tiếp xúc với nhau dẫn đến thái độ thù địch sâu sắc, cũng cấu thành hàng loạt vấn đề trong quá trình tồn tại bên cạnh nhau. Dưới góc nhìn đó, A.J. Toynbee đã đưa ra giải pháp giải quyết của mình, mà ông gọi đó là “*giải pháp giải quyết tích cực duy nhất*”: “Song phương cùng nỗ lực điều chỉnh chính mình, thích ứng lẫn nhau. Chính tôn giáo cấp cao⁶ đã làm như vậy để giải quyết vấn đề. Ngày nay, những nền văn hóa không giống nhau không nên triển khai sự đua tranh thù địch, mà nên nỗ lực chia sẻ kinh nghiệm của nhau, bởi vì chúng đã hàm chứa trong mình tính người như nhau” [4, tr.342].

Trong triển vọng chung về một thế giới thống nhất, hòa bình, cộng hưởng những giá trị chung của các nền văn hóa, A.J. Toynbee đã nhìn thấy sự trỗi dậy của khu vực Đông Á và Việt Nam trong thế giới thời kì hậu chiến tranh lạnh sẽ có vận mệnh và sứ mệnh gắn kết chặt chẽ với Đông Á. Riêng Việt Nam, theo ông, di sản của lịch sử, của quá khứ giống với Nhật Bản ở một điểm: “*biểu hiện cho thấy dám có dũng khí khiêu chiến phương Tây. Loại dũng khí này từ nay về sau cần được duy trì tiếp tục, song tôi hi vọng giai đoạn tiếp theo của lịch sử nhân loại, có thể đem điều đó cống hiến cho sự nghiệp mang tính kiến thiết - giải quyết bằng con đường hòa bình những vấn đề chung của nhân loại*” [3, tr.277].

⁴Từ dùng của học giả Ikeda. Ông nói, khi người Mĩ cuốn cả thế giới vào vòng xoáy chiến tranh lạnh, tham dự chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Việt Nam, không thể không nói là đã phạm *sai lầm lớn*.

⁵Theo cả hai học giả, người Mĩ đã nuôi dưỡng tinh thần “*khại phá*”, “*duy ngã*”, thách thức giới tự nhiên; đem tinh thần ấy - vốn coi phía bắc Mĩ chỉ có động thực vật hoang dã, sơn lâm và sa mạc, hoàn toàn không để ý đến cư dân thổ địa, đối xử với họ như đối với động thực vật - xử lí vấn đề Việt Nam.

lực lượng để tiến hành chiến tranh. Các nước ở Nam Mĩ nằm trong tình trạng phân liệt và lực lượng của Mĩ ở đó tương đối mạnh. Còn như châu Âu, chỉ cần Mĩ - Xô hai nước không kết thành mối quan hệ giao hảo bền chặt, chính là một chiến trường nguy hiểm” [3, tr.229]. Việc kết thúc chiến tranh ở Việt Nam đương thời đã khiến hai nhà hiền triết luận bàn xa hơn về số phận bị uy hiếp của các quốc gia vừa và nhỏ khác như Campuchia, Thái Lan, Australia, New Zealand... khi tìm câu trả lời cho

⁶A.J. Toynbee tán thưởng Giáo hội đại thống nhất, mặc dù thừa nhận một số vấn đề nan giải trong sự tồn tại của tôn giáo nhưng ông rất tin tưởng vào việc ra đời một tôn giáo cấp cao làm phương tiện để thống nhất thế giới. Ông tin rằng, dù trạng thái văn minh không ngừng suy thoái, nhưng chiến xa tôn giáo có thể không ngừng thăng tiến, bởi vì tôn giáo là một loại hoạt động tinh thần.

3. Một số nhận xét, đánh giá

Qua giới thiệu một số vấn đề liên quan đến lịch sử, văn hóa Đông Nam Á - Việt Nam trong các tác phẩm của A.J. Toynbee, xin rút ra một số nhận xét sau:

3.1. Đóng góp của A.J. Toynbee trong nghiên cứu lịch sử - văn hóa Đông Nam Á

Trong những công trình nghiên cứu được hoàn thành với những phong cách học thuật khác nhau (tác

phẩm sử học, tự thuật, đối thoại...) kể trên, A.J. Toynbee đã đặt lịch sử, văn minh Đông Nam Á như là một chỉnh thể trong tiến trình phát triển chung của lịch sử văn minh nhân loại, đặc biệt là trong mối quan hệ với hai nền văn minh lớn Ấn Độ và Trung Hoa ở phương Đông.

Xét phương diện học thuật, các nghiên cứu của A.J. Toynbee về Đông Nam Á và Việt Nam có giá trị lớn khi nhìn nhận Đông Nam Á không từ góc độ một chỉnh thể chính trị - xã hội, kinh tế mà là từ góc độ của một khu vực lịch sử - văn hóa. Ngoài công trình *Nhân loại và Bà Mẹ Trái Đất*, trong các công trình khác (đặc biệt là công trình *Nghiên cứu lịch sử*) A.J. Toynbee đã dành riêng một số chương viết về Đông Nam Á như *Ấn Độ và Đông Nam Á (647 - 1202)*; *Đông Nam Á (1190 - 1511)*, sơ lược giới thiệu diễn trình lịch sử, văn hóa của khu vực và lịch sử của một số quốc gia cụ thể như Champa, Campuchia, Miến Điện, Việt Nam, Thái Lan... ở lục địa và bán đảo Mã Lai, quần đảo Indonesia... trên dòng chảy chung của lịch sử, văn hóa thế giới. Việc minh định vị trí của những nền văn minh cổ xưa ở Đông Nam Á - Việt Nam trong phân loại các nền văn minh; những dẫn thuật về nền văn minh “*vệ tinh*” Đông Nam Á - Việt Nam trong quá trình tiếp xúc với văn minh Trung Quốc và Ấn Độ; những gợi mở về các vấn đề lịch sử còn để ngỏ của lịch sử văn minh khu vực... đều là dấu ấn quan trọng, cũng là những đóng góp lớn của A.J. Toynbee trong nghiên cứu lịch sử văn hóa Đông Nam Á - Việt Nam từ thời cổ đại.

Bên cạnh đó, “*nguy cơ cảm*”, “*sự bi quan*” về vấn đề chiến tranh và nhiều vấn đề toàn cầu mà nhân loại đang phải đối mặt; quan điểm nhân văn, tiến bộ trong cách giải quyết mâu thuẫn trong quá trình tiếp xúc trong không gian giữa các nền văn minh ở xã hội hiện đại, vấn đề chiến tranh đại diện cũng như việc dự đoán những triển vọng của khu vực trong bối cảnh hậu chiến tranh lạnh từ những năm 60, 70 của thế kỷ trước của A.J. Toynbee cũng là những cách nhìn, quan điểm kiến giải quan trọng mang ý nghĩa chỉ thị, định hướng đáng suy ngẫm cho bối cảnh quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Nam Á, Đông Á hiện nay nói chung và Việt Nam trong nền cảnh ấy nói riêng.

3.2. Hạn chế trong góc nhìn của A.J Toynbee về lịch sử, văn hóa Đông Nam Á

Thứ nhất, trong cách nhìn về quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa của Đông Nam Á - Việt Nam trong lịch sử.

Hoặc do xuất phát điểm từ quan niệm phân loại “*văn minh độc lập*” - “*văn minh vệ tinh*”, hoặc do sự hạn chế trong việc tiếp xúc tư liệu, hoặc do chịu ảnh hưởng bởi các quan niệm nghiên cứu của giới học giả phương Tây đương thời đã làm hạn chế tầm nhìn của A.J. Toynbee về quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa của các quốc gia Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng.

Trong các công trình nghiên cứu của mình, khi viết về quá trình phát triển, tiếp xúc giữa Đông Nam Á với các nền văn minh trong không - thời gian, mặc dù nhìn nhận Đông Nam Á là một chỉnh thể, một khu vực lịch sử - văn hóa trong dòng chảy chung của văn minh nhân loại nhưng A.J. Toynbee hầu như quên rằng văn minh Đông Nam Á tồn tại với tư cách là một khu vực văn minh độc lập. Trong các công trình của mình, ông diễn đạt bằng rất nhiều thuật ngữ như “*đồng hóa*”, “*phiên bản*”, “*hóa thạch*”, “*hóa thân*”; “*văn minh vệ tinh*”, “*văn minh phụ thuộc*”, “*khu vực văn hóa*”, “*văn minh độc lập*”,... để chỉ quá trình tiếp xúc văn hóa giữa các nền văn minh thế giới trong không - thời gian thì riêng đối với quá trình tiếp xúc văn hóa của khu vực Đông Nam Á với Ấn Độ, Trung Hoa thời cổ trung đại, ông đã dùng thuật ngữ “*Ấn Độ hóa*”, “*Hán hóa*” mà chưa làm sáng tỏ mối quan hệ giữa yếu tố văn hóa bản địa nội sinh với yếu tố văn hóa ngoại lai của quá trình đó.

Thứ hai, trong nghiên cứu các vấn đề lịch sử - văn hóa cụ thể của quốc gia, khu vực

Hạn chế lớn nhất trong các tác phẩm của A.J. Toynbee khi nghiên cứu khu vực Đông Nam Á và Việt Nam nằm ở phần cụ thể hóa những vấn đề có liên quan. Đó cũng là hạn chế thường gặp, không thể tránh khỏi trong các công trình được nghiên cứu theo tính tổng thể, tiếp cận lịch sử từ cái nhìn vĩ mô như các công trình của ông.

Thiếu dẫn chứng cụ thể là hạn chế lớn nhất trong các chương A.J. Toynbee viết về các quốc gia Đông Nam Á - Việt Nam nói riêng và châu Á, Viễn Đông nói chung. Ở nhiều nội dung liên quan đến lịch sử, văn hóa các quốc gia Đông Nam Á - Việt Nam, ông chỉ giới thiệu sơ lược, diễn khuyết kiến thức và đưa ra những nhận định một cách miễn cưỡng mà không dẫn ra những

chứng cứ đủ sức thuyết phục. Ngoài ra, điều đáng tiếc là rất nhiều vấn đề có tính gợi mở quan trọng - như việc đặt ra và bước đầu khẳng định về mối quan hệ văn hóa vật chất giữa văn minh lưu vực Hoàng Hà và khu vực nhiệt đới phía nam sông Trường Giang - do hạn chế nguồn tư liệu (nhất là tư liệu khảo cổ) được tiếp xúc, kiến giải của ông chỉ dừng lại ở ý nghĩa đoán định, giả thiết. Trên thực tế, từ trước thời điểm A.J. Toynbee viết tác phẩm *Nghiên cứu lịch sử*, nhiều công trình nghiên cứu nhất là các thành tựu khảo cổ ở Việt Nam nói riêng (Văn hóa Hòa Bình, Văn hóa Đông Sơn), Đông Nam Á nói chung đã khẳng định khu vực Đông Nam Á - khu vực châu Á gió mùa với tính bản địa của kỹ thuật đúc đồng cũng là cái nôi của nghề nông trồng lúa nước và trâu là biểu tượng của nền văn hóa đó.

4. Kết luận

Tóm lại, qua các công trình nghiên cứu của mình, A.J. Toynbee đã có góc nhìn xuyên suốt về lịch sử, văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á từ thời kì cổ đại đến hiện đại, dù còn một số hạn chế nhưng những vấn đề được ông bàn đến, những kiến giải của ông có đóng góp quan trọng cho các nghiên cứu về lịch sử, văn hóa Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng. Bài viết này chỉ là bước đầu giới thiệu một số phương diện có liên quan, chưa phải là một chuyên khảo thật đầy đủ, hệ thống. Nhiều vấn đề khác về văn minh thế giới, văn minh khu vực trong đó có Đông Nam Á - Việt Nam cũng được A.J. Toynbee khai triển trong khối lượng

trước tác đồ sộ của mình cần được đào sâu nghiên cứu hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

- [1] Arnold J. Toynbee (2008). *Nghiên cứu lịch sử*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2] (Anh) Thang Nhân Ti, (Mĩ) Ách Bản (1989). *Thang Nhân Ti luận Thang Nhân Ti - Ghi lại cuộc đối thoại giữa Thang Nhân Ti và Ách Bản*. Thượng Hải: Phân điểm Thượng Hải thuộc Thư điểm Tam Liên xuất bản. 汤因比与厄本: 《汤因比论汤因比汤因比与厄本对话录》, 王少如沈晓红译, 上海: 三联书店上海分店出版, 1989年版。
- [3] (Nhật) Tri Điền Đại Tác, (Anh) Thang Nhân Ti, Tuấn Xuân Sinh dịch (1997). *Triển vọng thế kỉ XXI - Cuộc đối thoại giữa Thang Nhân Ti và Tri Điền Đại Tác (A.J. Toynbee và Daiku Ikeda)*. Bắc Kinh: Công ty xuất bản văn hóa quốc tế xuất bản. (日) 池田大作 (英) 阿汤因比著: 《展望21世纪汤因比与池田大作对话录》, 荀春生等译, 北京: 国际文化出版公司出版, 1997年版。
- [4] (Anh) Thang Nhân Ti (2005). *Nghiên cứu lịch sử, Tào Uy Phong dịch*. Thượng Hải: NXB Nhân dân Thượng Hải. (英) 汤因比著: 《历史研究》, 曹威风等译, 上海: 上海人民出版社出版, 2005年版。
- [5] (Anh) Thang Nhân Ti (2005). *Nhân loại và Bà Mẹ Trái Đất - Một bộ tự sự về lịch sử thế giới, Từ Ba đẳng dịch, Mã Tiểu Quân hiệu chú*. Thượng Hải: NXB Nhân dân Thượng Hải. (英) 阿汤因比著: 《人类与大地母亲一部叙事体世界历史》, 徐波等译, 马小军校注, 上海: 上海人民出版社出版, 2005年版。

HISTORY AND CULTURE OF SOUTH EAST ASIA AND VIETNAM FROM THE PERSPECTIVE OF HISTORIAN A.J. TOYNBEE

Abstract: Arnold J. Toynbee (1889 - 1975) was the world's great historian in 20th century. Besides the history of human civilization expounded with the overall view and macro-approach as it's the biggest feature; the regional and national civilizations also became his research objectives and. Despite being a Western historian, A.J. Toynbee (ignored the popular notion among Western scholars - "Eurocentric" and regarded the importance of researching the outside-of-Europe civilization) got rid of was very popular among Western scholars' the notion of "Eurocentric", attached importance to the researches about the "outside of Europe, outside of Western" civilizations in his works. It could be taken in Southeast Asia - Vietnam as a example for his view. In this article, the author aims to clarify some issues related to Southeast Asia - Vietnam basing on several typical works and under his view.

Key words: A.J. Toynbee; Southeast Asia; Vietnam; culture; history.